

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2022/DS-PT.

Ngày: 23-8-2022.

“V/v tranh chấp quyền sử
dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuần

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Sâm và ông Nguyễn Huồn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hiền - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Nguyễn Thị Hải Anh -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc
thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 95/2022/TLPT-DS, ngày 01/6/2022, về việc
“*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DSST, ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân
dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 158A/2022/QĐ-PT, ngày
01 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1964 và ông Trà Ngọc S, sinh năm
1961; địa chỉ: Xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S: Bà Trần Thị H, sinh năm 1964; có mặt.

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1957; địa chỉ: Xã P, huyện K, tỉnh Đắk
Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M: Ông Phạm Hải D, sinh năm 1974; địa
chỉ: Thị trấn E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị T; địa chỉ: Xã P, huyện K,
tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1992; địa
chỉ: Xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn bà Trần Thị H và ông Trà Ngọc S trình bày:**

Gia đình chúng tôi có một lô đất tại xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Do nông trường cà phê J cấp vào năm 1993), thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60, diện tích 4.159,8 m², được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận QSD đất mang số hiệu BO 004739, ngày 20/3/2017 mang tên ông Trà Ngọc S và bà Trần Thị H, thửa đất có tứ cận cụ thể như sau:

- + Phía Đông giáp đất nhà ông Nguyễn Văn M;
- + Phía Bắc giáp đường.
- + Phía Tây giáp đất ông Trịnh Ngọc S1;
- + Phía Nam giáp đất ông Trần Ngọc B.

Đất đã có diện tích như trong bì đã được cấp, nay phần dưới đất vườn phía đuôi tính từ mốc giáp ranh đất của ông Trịnh Ngọc S1 đến giáp ranh đất nhà ông Nguyễn Văn M trong bì cấp là 47,05 m, nhưng hiện nay gia đình đang sử dụng thực tế chỉ có 46 m.

Giữa diện tích đất của gia đình tôi với ông Trịnh Ngọc S1 đã được chính quyền cắm mốc, không tranh chấp.

Xét thấy phần đất giáp ranh với ông M bị chồng lấn phần đuôi vườn nên yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc gia đình ông Nguyễn Văn M hoàn trả đất đã lấn chiếm của gia đình tôi có diện tích khoảng 11,25 m² (Chiều ngang 0,75 m; chiều dài 15m) để gia đình tôi rào đất vườn cho ổn định, thuận tiện cho việc chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình.

Sau khi có kết quả đo đạc tại phần vị trí đất chồng lấn phía đuôi vườn xác định tổng diện tích đất chồng lấn là 18.5m² có tứ cận cụ thể: Phía Đông Bắc giáp đất ông M dài 24,41m; Phía Tây Bắc giáp cọc mốc bề tông; Phía Tây Nam giáp đất gia đình tôi dài 25,43m; Phía Đông Nam giáp đất ông M và ông B dài 1.49m. Vì vậy, gia đình tôi đã làm đơn khởi kiện bổ sung, đề nghị gia đình ông M hoàn trả cho gia đình tôi tổng diện tích đất lấn chiếm là 18.5m².

Đối với yêu cầu phân tố của bị đơn thì gia đình tôi thống nhất trả lại cho gia đình ông M tổng diện tích đất chồng lấn là 48,7m². Ngoài ra, tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

*** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Phạm Hải D trình bày:** Gia đình ông Nguyễn Văn M có một lô đất tại xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 60, diện tích 9.431,3 m², được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận QSD đất mang số hiệu BO 068532, ngày 20/01/2017 mang tên ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị T, thửa đất có tứ cận cụ thể như sau:

- + Phía Đông giáp đất nhà bà L;
- + Phía Bắc giáp đường;
- + Phía Tây giáp đất ông Trà Ngọc S, bà Trần Thị H và đất ông Trần Ngọc B ở phía đuôi;

+ Phía Nam giáp ông Trịnh Ngọc S1 và bà Th.

Về phía Bắc giáp đường đi nhà máy Mi gia đình ông M được cấp là 54,17 m nhưng hiện tại thực tế gia đình ông M chỉ đang sử dụng là 53,40m, tức là thiếu 0,77m so với diện tích được cấp, ngày 11/9/2017 bà H đã tự rào phần giáp ranh với ông M, sử dụng ổn định không có tranh chấp. Còn việc bà Trần Thị H, ông Trà Ngọc S cho rằng gia đình ông M có lấn chiếm diện tích khoảng 18.5m² ở phía sau đuôi đất của ông S, bà H là không đúng thực tế, tôi xác định gia đình ông M không lấn chiếm đất của ai cả nên không đồng ý với toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn và ông M đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi có kết quả đo đạc thì xác định gia đình bà H đã sử dụng phần đất của gia đình ông M với tổng diện tích là 48,7m², có tứ cận: Phía Tây Bắc giáp đường 0,24m; Phía Đông Nam giáp cột bê tông; Phía Đông Bắc giáp đất gia đình ông M dài khoảng 62m; Phía Tây Nam giáp đất gia đình bà H dài 62m. Vì vậy, gia đình ông M đã làm đơn phản tố, yêu cầu gia đình bà H trả lại cho gia đình ông M tổng diện tích đất lấn chiếm là 48,7m²

*** Bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:** Tôi thống nhất với ý kiến của ông Phạm Hải D, ngoài ra tôi không có ý kiến gì thêm.

*** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T1 trình bày:** Tôi thống nhất với ý kiến của ông Phạm Hải D, ngoài ra tôi không có ý kiến gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DSST, ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 155; Điều 156; Điều 157; Điều 158; Điều 203; Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 12; Điều 166 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H và ông Trà Ngọc S. Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị T trả cho gia đình bà H tổng diện tích đất lấn chiếm là 18.5m², có tứ cận cụ thể như sau:

+ Phía Đông Bắc giáp đất gia đình ông M tính từ điểm 8 (tọa độ 1406732,57 – 506919,91) đến điểm 10 (tọa độ 1406711,76 – 506934,51) dài 25,3 m (24,4 + 0,86);

+ Phía Tây Bắc giáp điểm 8 (tọa độ 1406732,57 – 506919,91) là điểm chuẩn không bị chồng lấn;

+ Phía Tây Nam giáp đất gia đình bà H tính từ điểm 8 (tọa độ 1406732,57 – 506919,91) đến điểm 11 (tọa độ 1406710,93 – 506933,27) dài 25,43m;

+ Phía Đông Nam giáp đất ông M và ông B tính từ điểm 10 (tọa độ 1406711,76 – 506934,51) đến điểm 11 (tọa độ 1406710,93 – 506933,27) dài 1.49m

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn M. Buộc bà Trần Thị H và ông Trà Ngọc S trả cho gia đình ông M tổng diện tích đất lấn chiếm là 48,7m² có tứ cận cụ thể như sau:

+ Phía Tây Bắc giáp đường tính từ điểm 3 (tọa độ 1406783,83 – 506884,05) đến điểm 4 (tọa độ 1406783,96 – 506884,25) dài 0,24m;

+ Phía Đông Nam giáp điểm 8 (tọa độ 1406732,57 – 506919,91) là điểm chuẩn không bị chồng lấn;

+ Phía Đông Bắc giáp đất gia đình ông M tính từ điểm 4 (tọa độ 1406783,96 – 506884,25) đến điểm 5 (tọa độ 1406780,39 – 506887,70) dài 4,97m + từ điểm 5 (tọa độ 1406780,39 – 506887,70) đến điểm 8 (tọa độ 1406732,57 – 506919,91) dài 57,7m (37,11+10,83+9,73). Tổng cộng dài 62,7m;

+ Phía Tây Nam giáp đất gia đình bà H tính từ điểm 3 (tọa độ 1406783,83 – 506884,05) đến điểm 8 (tọa độ 1406732,57 – 506919,91) dài 62,6m (33,44+24,20+4,92)

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí đo đạc, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/4/2022, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn M với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng bác đơn khởi kiện của nguyên đơn vì gia đình ông M không lấn chiếm đất của bà H, ông S.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Văn M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nhận thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn M là không có căn cứ; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn M; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DSST, ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn M nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1] Xét nguồn gốc đất các bên đang sử dụng:

Thửa đất bà Trần Thị H và ông Trà Ngọc S đang sử dụng: Do nông trường ca phê J cấp vào năm 1993, thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60, diện tích 4.159,8 m², tọa lạc tại thôn xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận QSD đất số BO 004739, ngày 20/3/2017 mang tên ông Trà Ngọc S và bà Trần Thị H. Gia đình bà H quản lý và sử dụng ổn định từ đó cho đến nay.

Thửa đất ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị T đang sử dụng: Gia đình ông Nguyễn Văn M có một lô đất tại xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 60, diện tích 9.431,3m², được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận QSD đất mang số hiệu BO 068532, ngày 20/01/2017 mang tên ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị T. Gia đình ông M quản lý và sử dụng ổn định từ đó cho đến nay.

[2] Xét diện tích đất mà nguyên đơn khởi kiện là 18.5m²:

Theo nguyên đơn trình bày và theo kết quả đo đạc, diện tích đất tranh chấp có tứ cận cụ thể: Phía Đông Bắc giáp đất gia đình ông M tính từ điểm 8 (tọa độ 1406732,57 – 506919,91) đến điểm 10 (tọa độ 1406711,76 – 506934,51) dài **25,3 m** (24,4 + 0,86); Phía Tây Bắc giáp điểm 8 (tọa độ 1406732,57 – 506919,91) là điểm chuẩn không bị chồng lấn; Phía Tây Nam giáp đất gia đình bà H tính từ điểm 8 (tọa độ 1406732,57 – 506919,91) đến điểm 11 (tọa độ 1406710,93 – 506933,27) dài **25,43m**; Phía Đông Nam giáp đất ông M và ông B tính từ điểm 10 (tọa độ 1406711,76 – 506934,51) đến điểm 11 (tọa độ 1406710,93 – 506933,27) dài **1.49m**.

Sau khi có kết quả đo đạc xác định toàn bộ diện tích đất này nằm trong diện tích được cấp cho bà H, ông S theo Giấy CNQSD đất; còn trên thực tế hiện nay do gia đình ông M đang quản lý sử dụng.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông M và bà T trả lại cho ông S và bà H tổng diện tích đất lấn chiếm là 18.5m² là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của ông M cho rằng gia đình ông còn thiếu 1.654.5m². Tuy nhiên, tại đơn yêu cầu phản tố của ông M (BL 75) thì ông M yêu cầu nguyên đơn trả lại phần diện tích lấn chiếm là 48,7m² và nguyên đơn đã đồng ý trả lại phần diện tích này cho ông M theo đúng như kết quả đã đo đạc như sau:

Phía Tây Bắc giáp đường tính từ điểm 3 (tọa độ 1406783,83 – 506884,05) đến điểm 4 (tọa độ 1406783,96 – 506884,25) dài 0,24m;

Phía Đông Nam giáp điểm 8 (tọa độ 1406732,57 – 506919,91) là điểm chuẩn không bị chồng lấn;

Phía Đông Bắc giáp đất gia đình ông M tính từ điểm 4 (tọa độ 1406783,96 – 506884,25) đến điểm 5 (tọa độ 1406780,39 – 506887,70) dài 4,97m + từ điểm 5 (tọa độ 1406780,39 – 506887,70) đến điểm 8 (tọa độ 1406732,57 – 506919,91) dài 57,7m (37,11+10,83+9,73). Tổng cộng dài 62,7m;

Phía Tây Nam giáp đất gia đình bà H tính từ điểm 3 (tọa độ 1406783,83 – 506884,05) đến điểm 8 (tọa độ 1406732,57 – 506919,91) dài 62,6m (33,44+24,20+4,92).

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông M là không có cơ sở

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn M – Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DSST, ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 155; Điều 156; Điều 157; Điều 158; Điều 203; Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 12; Điều 166 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H và ông Trà Ngọc S. Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị T trả cho gia đình bà H tổng diện tích đất lấn chiếm là 18.5m², có tứ cận cụ thể như sau:

+ Phía Đông Bắc giáp đất gia đình ông M tính từ điểm 8 (tọa độ 1406732,57 – 506919,91) đến điểm 10 (tọa độ 1406711,76 – 506934,51) dài **25,3 m** (24,4 + 0,86);

+ Phía Tây Bắc giáp điểm 8 (tọa độ 1406732,57 – 506919,91) là điểm chuẩn không bị chôn lấn;

+ Phía Tây Nam giáp đất gia đình bà H tính từ điểm 8 (tọa độ 1406732,57 – 506919,91) đến điểm 11 (tọa độ 1406710,93 – 506933,27) dài **25,43m**;

+ Phía Đông Nam giáp đất ông M và ông B tính từ điểm 10 (tọa độ 1406711,76 – 506934,51) đến điểm 11 (tọa độ 1406710,93 – 506933,27) dài **1.49m**

[2.2] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn M. Buộc bà Trần Thị H và ông Trà Ngọc S trả cho gia đình ông M tổng diện tích đất lấn chiếm là 48,7m² có tứ cận cụ thể như sau:

+ Phía Tây Bắc giáp đường tính từ điểm 3 (tọa độ 1406783,83 – 506884,05) đến điểm 4 (tọa độ 1406783,96 – 506884,25) dài **0,24m**;

+ Phía Đông Nam giáp điểm 8 (tọa độ 1406732,57 – 506919,91) là điểm chuẩn không bị chồng lấn;

+ Phía Đông Bắc giáp đất gia đình ông M tính từ điểm 4 (tọa độ 1406783,96 – 506884,25) đến điểm 5 (tọa độ 1406780,39 – 506887,70) dài 4,97m + từ điểm 5 (tọa độ 1406780,39 – 506887,70) đến điểm 8 (tọa độ 1406732,57 – 506919,91) dài 57,7m (37,11+10,83+9,73). Tổng cộng dài **62,7m**;

+ Phía Tây Nam giáp đất gia đình bà H tính từ điểm 3 (tọa độ 1406783,83 – 506884,05) đến điểm 8 (tọa độ 1406732,57 – 506919,91) dài **62,6m** (33,44+24,20+4,92)

[2.3] Về chi phí đo đạc: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H, ông Trà Ngọc S được chấp nhận toàn bộ và yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn M cũng được chấp nhận toàn bộ nên mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí đo đạc là 7.976.000đ (tổng chi phí đo đạc là 15.952.000đ : 2). Vì bà Trần Thị H đã nộp tạm ứng chi phí đo đạc là 15.952.000đ nên cần hoàn trả lại cho bà H số tiền 7.976.000đ sau khi thu được của ông Nguyễn Văn M.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền ông M đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu số 60AA/2021/0005540, ngày 18/10/2021.

Buộc bà Trần Thị H và ông Trà Ngọc S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền bà H đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu số AA/2019/0016748, ngày 22/12/2020. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí còn lại đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 60AA/2021/0005533, ngày 15/10/2021.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng mà ông M đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0006001, ngày 08/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện K;
- VKSND huyện K;
- CCTHADS huyện K;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Thuần